

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thụ lý số: 366/2016/TLST- HNGĐ,
Ngày 02 tháng 12 năm 2016;
Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST,
Ngày 08 tháng 02 năm 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nguyễn Đăng Bảy
 2. Ông Nguyễn Quang Liêu
- Thư ký Tòa án nghị biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Tình – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BP.
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ: Bà Đàm Thị Thủy.
- * Các đương sự:
 - Nguyên đơn: Điều Ngọc D; Sinh năm: 1978
Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện B, tỉnh BP.
 - Bị đơn: Điều H; Sinh năm 1977.
HKTT: Thôn 5, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Về việc: “Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2016/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2016.
- Vụ án được xét xử công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BP vào ngày 17 tháng 01 năm 2017.

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2016, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị D trình bày: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và sống chung từ năm 1996, không đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2011 mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó ghen tuông vô cớ, rồi uống rượu say chửi bới, xúc phạm

chị; Ngoài ra, anh H có hành vi bạo lực gia đình gây thương tích cho chị. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trầm trọng, nay chị không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị với anh H là quan hệ vợ chồng.

Chị và anh H có 02 con chung là Điều Thị L, sinh ngày 13/10/1999 và Điều Ngọc KH, sinh ngày 04/8/2002. Chị và anh H thống nhất để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Điều Thị L hiện nay đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi và cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh H tự thỏa thuận chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị và anh H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H trình bày: Anh xác nhận về thời gian, quá trình chung sống không đăng ký kết hôn, tình trạng và nguyên nhân mâu thuẫn như chị D trình bày ở trên là đúng và trình bày bổ sung, ngoài việc không chung thủy với chồng con thì chị D còn không tu chí làm ăn mà thường tụ tập bạn bè đi chơi, đánh bài nhiều ngày mới về, anh khuyên can không được nên chửi bới và đôi khi đánh đập chị D là đúng. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị D nên mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con. Anh xác nhận có 02 con chung là Điều Thị L, sinh năm 1999 và Điều Ngọc KH, sinh năm 2002. Trong trường hợp chị D cương quyết không sống chung với nhau thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu KH, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L đã thành niên và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B không có ý kiến gì về thủ tục tố tụng vụ án của Tòa án. Về nội D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân của chị D; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị D và anh H về con chung.

NHẬN ĐỊNH:

Về quan hệ tình cảm: Chị D và anh H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ tình cảm giữa chị D và anh H không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

Hiện nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị và anh H là quan hệ vợ chồng do quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Anh H không đồng ý vì còn tình cảm với chị D, nhưng chị D cương quyết không chấp nhận yêu cầu của anh H.

Xét thấy, anh H và chị D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh H nghi ngờ chị D có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát và sống ly thân từ năm 2012 đến

khoảng đầu năm 2014, rồi chị D lại về tiếp tục sống chung lại với anh H, đến đầu năm 2016 tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do chị D hay đi chơi khuya, tham gia đánh bài, bạc nên anh H chán nản hay uống rượu rồi xảy ra cái vã, xô xát với chị D.

Như vậy, chị D và anh H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay mặc dù anh H có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị D, nhưng chị D cương quyết yêu cầu chấm dứt quan hệ tình cảm với anh H nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D tuyên bố quan hệ giữa chị D và anh H không phải là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh H và chị D có 02 con chung là Điều Thị L, sinh năm 1999 và Điều Ngọc KH, sinh năm 2002. Anh H, chị D cùng chị Điều Thị L thống nhất Điều Thị L đã thành niên và có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Điều Thị L; Đối với cháu KH trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân của chị D thì anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu KH, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù cháu KH có nguyện vọng được ở với mẹ, nhưng do sau khi chấm dứt quan hệ tình cảm với anh H, chị D không có nơi ở, nghề nghiệp và thu nhập ổn định còn anh H có nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên cần giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần; bảo đảm việc học hành của con chung là phù hợp.

Về tài sản, nợ chung: Chị D và anh KH không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số: 10/2009/PL – UBTVQH ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Điều Ngọc D; Tuyên bố quan hệ giữa chị Điều Ngọc D với anh Điều H không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh H có nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Điều Ngọc KH, sinh năm sinh năm 2002; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Điều Ngọc D phải nộp 200.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp trước theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021009 ngày 02/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh BP.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ

